TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/KDTM-ST
Ngày: 26-10-2023
V/v tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên

2. Bà Trần Thị Nga

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đào Văn Long – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 59/2023/TLST-KDTM ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 542/2023/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 462/2023/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 9 năm 2023.

1. Nguyên đơn: **Tổng công ty Đ**

Trụ sở: 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trang Thụy Thanh X**, sinh năm: 1976

Địa chỉ: D15/10C đường Thế Lữ, ấp 4, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền số 1438/GUQ-PCBC ngày16/5/2023)

2. Bị đơn: Ông **Trần Thanh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T**

Trụ sở: B13/1 ấp 2, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hộ khẩu thường trú của ông T: 143A Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

(Bà X có mặt tại phiên tòa, ông T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2023 của Tổng công ty Đ và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Trang Thụy Thanh X trình bày:

Ngày 22/03/2018, Chi nhánh Tổng công ty Đ- Công ty Đ (sau đây gọi tắt là "Công ty Đ") đã ký Hợp đồng mua bán điện số 18/001027 với ông Trần Thanh T – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Đầu tư Thanh T, có địa chỉ thường trú: 129/2 Hùynh Thiện Lộc, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Tp.HCM, mã khách hàng: PE15000000438, địa chỉ sử dụng điện: B13/1 Ấp 2, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Tp.HCM.

Sau khi ký Hợp đồng mua bán điện, Công ty Đ đã cung cấp điện cho ông Trần Thanh T – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Đầu tư Thanh T theo đúng nội dung Hợp đồng. Tuy nhiên, tiền điện sử dụng từ ngày 21/12/2022 đến ngày 20/01/2023, ông Trần Thanh T – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Đầu tư Thanh T đã không thanh toán tiền điện hàng tháng đầy đủ, đúng thời hạn. Tổng cộng số tiền điện ông Trần Thanh T – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Đầu tư Thanh T nợ Tổng công ty Điện lực TP HCM TNHH là 51.855.013 đồng (năm mươi mốt triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, không trăm mười ba đồng), cụ thể như sau:

Giấy báo tiền điện tháng 01/2023 (sử dụng điện từ ngày 21/12/2022 đến 20/01/2023 số tiền là 51.855.013 đồng).

Tại Khoản 1, 2 Điều 23 Luật Điện lực 2004 sửa đổi, bổ sung 2012 có quy định: "Bên mua điện phải thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền điện ghi trong hóa đơn cho bên bán điện theo biểu giá điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Tiền điện được thanh toán tại trụ sở, nơi ở của bên mua điện hoặc tại địa điểm thuận lợi do hai bên thoả thuận trong hợp đồng mua bán điện. Bên mua điện chậm trả tiền điện phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho bên bán điện". Đồng thời, cũng tại điểm a Khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực 2004 sửa đổi, bổ sung 2012 cũng có quy định: "Khách hàng sử dụng điện có nghĩa vụ thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn trong hợp đồng mua bán điện cho bên bán".

Theo Khoản 4 Điều 1 Hợp đồng mua bán điện, các bên thỏa thuận hình thức và thời hạn thanh toán tiền điện như sau: "Hình thức thanh toán: chuyển khoản. Thời hạn thanh toán: 07 ngày kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu".

Đến ngày 31/8/2023, ông Trần Thanh T – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Đầu tư Thanh T vẫn chưa thanh toán, Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh TNHH kính đề

nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh buộc ông Trần Thanh T – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Đầu tư Thanh T thanh toán nợ tiền điện là 51.855.013 đồng (năm mươi mốt triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, không trăm mười ba đồng), số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định pháp luật: số tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 31/8/2023 là 3.915.267 đồng (Ba triệu chín trăm mười lăm nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng) và số tiền lãi chậm trả phát sinh tương ứng từ ngày 01/9/2023 đến ngày khách hàng thanh toán hết số tiền nợ; yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, bà X đại diện Tổng công ty Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Trần Thanh T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T trả tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật tính đến ngày 12/5/2023 là 1.566.163 đồng và số tiền lãi chậm trả phát sinh tương ứng từ ngày 13/5/2023 đến khi khách hàng thanh toán hết số tiền nợ. Đối với yêu cầu trả số tiền điện chưa thanh toán của kỳ hóa đơn tháng 1/2023 (từ ngày 21/12/2022 đến ngày 20/01/2023) là 51.855.013 đồng (năm mươi mốt triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, không trăm mười ba đồng) thì Tổng công ty Đ vẫn giữ nguyên. Ngoài ra, bà đại diện nguyên đơn không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trần Thanh T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 306 luật thương mại 2005; Điều 23 Luật điện lực năm 2004 sửa đổi bổ sung năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền điện chưa thanh toán của tháng 01/2023 (từ ngày 21/12/2022 đến ngày 20/01/2023) là 51.855.013 đồng (năm mươi mốt triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, không trăm mười ba đồng)

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật tính đến ngày 12/5/2023 là 1.566.163 đồng và số tiền lãi chậm trả phát sinh tương ứng

từ ngày 13/5/2023 đến khi khách hàng thanh toán hết số tiền nợ mà nguyên đơn đã rút tại phiên tòa.

Về án phí: Ông Trần Thanh T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tổng công ty Đ khởi kiện ông Trần Thanh T – chủ doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T yêu cầu ông Trần Thanh T – chủ doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T phải trả cho Tổng công ty Đ số tiền mua bán điện theo hợp đồng mua bán điện số 18/001027 ngày 22/3/2018 giữa Tổng công ty Đ với ông Trần Thanh T – chủ doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T thì đây là tranh chấp mua bán hàng hóa

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa Tổng công ty Đ với ông Trần Thanh T – chủ doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T có trụ sở tại địa chỉ B13/1 ấp 2, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh theo điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Trần Thanh T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T nhưng ông T vẫn không đến Tòa tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Ông Trần Thanh T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nêu rõ yêu cầu của Tổng công ty Đ nhưng ông Trần Thanh T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T không đến Tòa trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử theo quy định mà vắng mặt không có lý do. Ông Trần Thanh T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đại diện nguyên đơn cung cấp và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

[5] Về các yêu cầu của đương sự Hội đồng xét xử xét thấy:

Về yêu cầu trả tiền nợ mua điện: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hợp đồng mua bán điện, thông báo tiền điện kỳ hóa đơn tháng 1/2023 (từ

ngày 21/12/2022 đến 20/01/2023) và lời khai của các đương sự thì có cơ sở xác định ông Trần Thanh T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T chưa thanh toán số tiền điện còn thiếu đối với mã số điện kế PE15000000438 của kỳ hóa đơn tháng 1/2023 (từ ngày 21/12/2022 đến ngày 20/01/2023) là 51.855.013 đồng (năm mươi mốt triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn không trăm mười ba đồng)

Do ông Trần Thanh T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ vào khoản 1 Điều 23 Luật điện lực thì yêu cầu của Tổng công ty Đ buộc ông Trần Thanh T – chủ doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T phải trả số tiền điện còn thiếu của kỳ hóa đơn tháng 1/2023 (từ ngày 21/12/2022 đến 20/01/2023) đối với mã điện kế PE15000000438 là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu trả số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật tính đến ngày 12/5/2023 là 1.566.163 đồng và số tiền lãi chậm trả phát sinh tương ứng từ ngày 13/5/2023 đến khi khách hàng thanh toán hết số tiền nợ: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên nên Hội đồng xét xử xét thấy cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào 306 luật thương mại 2005;

Điều 23 Luật điện lực năm 2004 sửa đổi bổ sung năm 2012;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty Đ đối với ông Trần Thanh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

Buộc ông Trần Thanh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T có trách nhiệm trả cho Tổng công ty Đ số tiền 51.855.013 đồng (năm mươi mốt triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn không trăm mười ba đồng) theo phương thức trả một lần

Nếu ông Trần Thanh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo án tuyên thì ông Trần Thanh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Các bên giao nhận tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu trả số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật tính đến ngày 12/5/2023 là 1.566.163 đồng và số tiền lãi chậm trả phát sinh tương ứng từ ngày 13/5/2023 đến khi khách hàng thanh toán hết số tiền nợ.

3. Về án phí:

3.1. Ông Trần Thanh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân đầu tư Thanh T chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn lại cho Tổng công ty Đ số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng áp phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0019807 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Lưu VP, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy